

Số: 146/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 22 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc “tranh chấp về chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết tXi hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970. Nơi cư trú: phường B, Quận X, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Nguyễn Ngọc C
- Công ty Luật hợp danh A, Đoàn luật sư Thành phố H.

- Bị đơn: Anh Trương Hoàng H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Thị Trúc M, sinh năm 1975. Nơi cư trú số: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1963; Nơi cư trú số: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh B. Bà B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2018.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tài sản chung giữa bà T và ông H gồm 03 thửa đất: Thửa 33, diện tích 780,8m² tờ bản đồ số 04, tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên thửa đất. Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/8/2017, tài sản chung này trị giá: 1.952.000.000 (một tỷ chín trăm năm mươi hai triệu) đồng; Thửa 75, diện tích 285,1m², cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên thửa đất. Theo biên bản định giá tài sản ngày 16/8/2017, tài sản chung này trị giá: 712.750.000 (bảy trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; Thửa đất 78 tờ bản đồ 11, diện tích 382,9m², tọa lạc xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên đất. Theo biên bản định giá tài sản ngày 21/6/2017, tài sản chung này trị giá: 428.030.000 (bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: 3.092.780.000 (Ba tỷ không trăm chín mươi hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn) đồng.

Bà T và ông H thống nhất chia tài sản chung như sau:

- Bà T được trọn quyền quản lý, sử dụng các thửa đất: thửa số 33, diện tích 780,8m² tờ bản đồ số 04, tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên thửa đất; thửa 75, diện tích 285,1m², tờ bản đồ số 04, tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên thửa đất.

- Ông H được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 78 tờ bản đồ 11, diện tích 382,9m², tọa lạc xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre và toàn bộ tài sản có trên đất.

- Bà T chịu trách nhiệm hoàn lại cho ông H số tiền 1.450.000.000 (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền này bà T sẽ giao cho ông H 03 lần, cụ thể:

- + Ngày 22/6/2018 (là ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật): bà T giao cho ông H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng;

- + Ngày 22/7/2018: bà T giao cho ông H 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Khi nhận số tiền này, ông H phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 33, tờ bản đồ 04, diện tích 780,8m² tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre do ông H đứng tên cho bà T;

- + Ngày 22/9/2018 bà T tiếp tục giao cho ông H số tiền còn lại là 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng. Ông H phải giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 75, diện tích 285,1m², tờ bản đồ 04, tọa lạc phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hiện do ông H đứng tên cho bà T.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản số tiền 2.250.000 (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, bà T đã nộp xong. Ông H có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 1.125.000 (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng cho bà T.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, số tiền trên chưa được thi hành thì bên phải thi hành án chưa thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với tXi gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã được giảm 50%, mỗi bên phải chịu là:

+ Bà T phải chịu 24.221.000 (hai mươi bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010447 ngày 11 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Như vậy, bà T còn phải nộp tiếp số tiền 14.221.000 (Mười bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn) đồng.

+ Ông H phải chịu 34.170.000 (Ba mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 19.293.000 (Mười chín triệu hai trăm chín mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013143 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Như vậy, ông H còn phải nộp tiếp số tiền là 14.877.000 (Mười bốn triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; tXi hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPBT;
- Tòa án tỉnh BT;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPBT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi